

Hội An, ngày 17 tháng 03 năm 2026

**KẾT QUẢ XẾP GIẢI HSG MÔN TIẾNG ANH 6  
NĂM HỌC 2025-2026**

| TT | Họ và tên              | Lớp | Điểm thi | Giải | Ghi chú |
|----|------------------------|-----|----------|------|---------|
| 1  | Nguyễn Phạm Cát Vy     | 6/3 | 11       | I    |         |
| 2  | Trần Phước Kỳ Châu     | 6/3 | 9        | II   |         |
| 3  | Đình Huỳnh Bảo Trân    | 6/3 | 8        | II   |         |
| 4  | Trần Hoàng Phương Thảo | 6/3 | 8.4      | II   |         |
| 5  | Lâm Quốc Tiến          | 6/3 | 9.8      | II   |         |
| 6  | Trần Nguyễn Tâm An     | 6/3 | 5.8      | III  |         |
| 7  | Lê Bảo Long            | 6/3 | 7.8      | II   |         |
| 8  | Nguyễn Huỳnh Thảo Nghi | 6/3 | 5.4      | KK   |         |
| 9  | Lê Trần Quỳnh Chi      | 6/3 | 6.2      | III  |         |
| 10 | Ngô Lam Uyên           | 6/3 | 4        |      |         |
| 11 | Cao Thiên Ân           | 6/3 | 6.8      | III  |         |
| 12 | Lê Hoàng Thảo Nguyên   | 6/3 | 5.6      | III  |         |
| 13 | Lê Trần Bảo Trân       | 6/3 | 5        | KK   |         |
| 14 | Kiều Bảo Trâm          | 6/3 | 3.8      |      |         |
| 15 | Hồ Khánh An            | 6/3 | 5.4      | KK   |         |
| 16 | Lê Phạm Hoàng Kim      | 6/3 | 6.8      | III  |         |
| 17 | Lê Trương Thảo Nhi     | 6/3 | 5        | KK   |         |
| 18 | Nguyễn Ngọc Cát Tiên   | 6/3 | 5        | KK   |         |
| 19 | Nguyễn Tú Giang        | 6/3 | 5.2      | KK   |         |
| 20 | Bùi Văn Anh Khôi       | 6/3 | 6.6      | III  |         |
| 21 | Vũ Tâm Giao            | 6/3 | 4.6      | KK   |         |
| 22 | Lê Huyền Trân          | 6/5 | 3        |      |         |
| 23 | Võ Hoàng Minh Nguyệt   | 6/8 | 3.2      |      |         |
| 24 | Trương Mai Thảo        | 6/7 | 3.6      |      |         |
| 25 | Huỳnh Ngọc Lê Khánh    | 6/7 | 2.8      |      |         |
| 26 | Phạm Nguyên Lâm        | 6/9 | 2        |      |         |
| 27 | Lý Gia Linh            | 6/4 | 2.4      |      |         |

|    |                        |     |     |    |  |
|----|------------------------|-----|-----|----|--|
| 28 | Nguyễn Ngọc Gia Khánh  | 6/4 | 3   |    |  |
| 29 | Phan Kim Ngân          | 6/4 | 2.6 |    |  |
| 30 | Phạm Văn Anh           | 6/8 | 4   |    |  |
| 31 | Nguyễn Hoàng Bảo Châu  | 6/4 | 3.6 |    |  |
| 32 | Phan Gia Khả My        | 6/5 | 3.4 |    |  |
| 33 | Phạm Nhã Phương        | 6/6 | 3.2 |    |  |
| 34 | Nguyễn Trí Triết       | 6/2 | 3.4 |    |  |
| 35 | Nguyễn Phú Triết       | 6/2 | 3.8 |    |  |
| 36 | Phan Xuân Bảo          | 6/2 | 4.2 |    |  |
| 37 | Nguyễn Huy Khánh       | 6/2 | 3.8 |    |  |
| 38 | Nguyễn Thanh Tiến      | 6/2 | 2.8 |    |  |
| 39 | Trần Phước Trọng Hiếu  | 6/2 | 2   |    |  |
| 40 | Nguyễn Thị Diễm Quỳnh  | 6/3 | 3.2 |    |  |
| 41 | Nguyễn Hoàng Minh      | 6/3 | 4.6 | KK |  |
| 42 | Nguyễn Minh Khánh      | 6/3 | 3.4 |    |  |
| 43 | Đoàn Ngọc Bảo          | 6/1 | 4.6 | KK |  |
| 44 | Hồ Uyên Phương         | 6/1 | 2.2 |    |  |
| 45 | Trần Minh Anh Thy      | 6/4 | 2   |    |  |
| 46 | Nguyễn Trần Ngọc Duyên | 6/8 | 2.2 |    |  |

(Môn học này có 21 học sinh được xếp giải)

**HỘI ĐỒNG THI**

